

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2023/DS-ST

Ngày: 23-11-2023

V/v tranh chấp về hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh L1.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Ngọc B.

2. Ông Nguyễn Thành H1.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Q – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện M.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Tr – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 130/2023/TLST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2023, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2023/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lý Thanh H, sinh năm 1961 và bà Hồ Thị K, sinh năm 1959; địa chỉ: Khu phố B, phường A, thị xã K, tỉnh L.

2. *Bị đơn:* Ông Phan Thanh T, sinh năm 1970; địa chỉ: Ấp H, xã B, huyện M, tỉnh L.

Ông H và bà K có mặt; ông T vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, ông Lý Thanh H và bà Hồ Thị K trình bày:

Ông Lý Thanh H và bà Hồ Thị K có cho ông Phan Thanh T vay tiền nhiều lần. Cụ thể như sau:

Vào ngày 13/3/2020, hai bên có lập hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bên ông H và bà K với nội dung như sau: Số tiền vay 1.500.000.000 (một tỷ năm trăm triệu) đồng; thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 20/11/2020; lãi suất 0,54%/tháng.

Ngày 25/9/2020, ông T vay thêm 100.000.000 đồng.

Ngày 26/12/2022, ông T có vay thêm 1.500.000.000 (một tỷ năm trăm triệu) đồng. Hai bên làm biên nhận đề ngày 26/12/2022, gộp hai khoản vay của ngày 13/3/2020 và ngày 26/12/2022 thành số tiền vay là 3.000.000.000 (ba tỷ) đồng, lãi suất là 1%/tháng.

Ngày 30/01/2023 ông T vay thêm 50.000.000 đồng.

Tổng số tiền gốc là 3.150.000.000 đồng.

Ông Lý Thanh H và bà Hồ Thị K khởi kiện yêu cầu ông Phan Thanh T trả tổng số tiền gốc là 3.150.000.000 (ba tỷ một trăm năm mươi triệu) đồng và tiền lãi tính đến ngày 10/7/2023 của các khoản vay tổng cộng là 229.333.000 đồng. Trường hợp không trả thì yêu cầu phát mại tài sản là quyền sử dụng đất thửa đất 794, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại xã B, huyện M, tỉnh L theo hợp đồng thế chấp ngày 13/3/2020.

Tại phiên tòa, ông Lý Thanh H và bà Hồ Thị K trình bày:

Ông Lý Thanh H và bà Hồ Thị K xác định khởi kiện yêu cầu ông Phan Thanh T trả tổng số tiền gốc là 3.000.000.000 (ba tỷ) đồng và tiền lãi tính từ ngày 26/12/2022 đến ngày xét xử, theo lãi suất trong biên nhận là 1%/tháng.

Ông Lý Thanh H và bà Hồ Thị K rút yêu cầu khởi kiện đối với khoản vay 100.000.000 đồng ngày 25/9/2020, khoản vay 50.000.000 đồng ngày 30/01/2023 để khởi kiện thành vụ kiện khác. Đồng thời rút yêu cầu phát mại tài sản là quyền sử dụng đất thửa đất 794, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại xã B, huyện M, tỉnh L theo hợp đồng thế chấp ngày 13/3/2020.

Ông Lý Thanh H và bà Hồ Thị K xác nhận không còn người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

Ông Lý Thanh H và bà Hồ Thị K đồng ý công khai bản án trên Cổng thông tin điện tử Tòa án.

Trong biên bản hòa giải tại Tòa án, ông Phan Thanh T trình bày:

Ông T thừa nhận có vay tiền nhiều lần nhưng không đồng ý số tiền gốc và lãi như vậy vì có tính lãi nhập gốc. Ông T đề nghị giảm lãi, còn nếu không thì sẽ cung cấp chứng cứ chứng minh lãi nhập gốc sau khi hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với đương sự, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Căn cứ “Biên nhận” đề ngày 26/12/2022 mà ông H và bà K cung cấp thể hiện nội dung ông T có vay ông H và bà K số tiền 3.000.000.000 (ba tỷ) đồng, có thể hiện chữ ký và tên của ông T trong “Biên nhận” nên có cơ sở xác định yêu cầu của ông H và bà K là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về yêu cầu tiền lãi: Căn cứ “Biên nhận” có nội dung thỏa thuận lãi suất 1%/tháng là phù hợp với quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông H và bà K.

Từ phân tích trên căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, các Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Ông H và bà K rút yêu cầu khởi kiện đối với khoản vay 100.000.000 đồng ngày 25/9/2020, khoản vay 50.000.000 đồng ngày 30/01/2023, yêu cầu phát mại tài sản là quyền sử dụng đất thửa đất 794, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại xã B, huyện M, tỉnh L theo hợp đồng thế chấp ngày 13/3/2020. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “*tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*”. Ông T cư trú tại ấp H, xã B, huyện M, tỉnh L. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân huyện M thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2]. *Về việc giải quyết vắng mặt ông Phan Thanh T:* Ông Phan Thanh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do tại phiên tòa lần thứ hai nên căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[3]. *Xét yêu cầu của nguyên đơn:*

[3.1]. Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án.

[3.2]. Xét thấy, ông Lý Thanh H và bà Hồ Thị K đã cung cấp được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là “Biên nhận” đề ngày 26/12/2022 có chữ ký của ông T, ông T cũng thừa nhận có vay tiền của ông H và bà K nhiều lần nên có căn cứ để xác định ông T có vay của ông H và bà K số tiền 3.000.000.000 (ba tỷ) đồng.

[3.3]. Về tiền lãi: Do “Biên nhận” đề ngày 26/12/2022 có đề cập đến việc trả lãi và nói rõ lãi suất là 1%/tháng là phù hợp quy định tại Điều 466, Điều 468, Điều 357 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tiền lãi được tính như sau: 3.000.000.000 đồng $\times$ 1% $\times$ 10 tháng 27 ngày = 327.000.000 đồng.

[3.4]. Từ phân tích tại mục [3.1], [3.2] và [3.3] nêu trên, nhận thấy yêu cầu của ông Lý Thanh H và bà Hồ Thị K và các tài liệu, chứng cứ do ông Lý Thanh H và bà Hồ Thị K cung cấp là có cơ sở, phù hợp với quy định tại các Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lý Thanh H và bà Hồ Thị K.

[4.]. Ông H và bà K rút yêu cầu khởi kiện đối với khoản vay 100.000.000 đồng ngày 25/9/2020, khoản vay 50.000.000 đồng ngày 30/01/2023, yêu cầu phát mại tài sản là quyền sử dụng đất thửa đất 794, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại xã B, huyện M, tỉnh L theo hợp đồng thế chấp ngày 13/3/2020. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự đình chỉ xét xử. Ông H và bà K được quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật.

[5]. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông H và bà K phải chịu số tiền 5.000.000 đồng, ông H và bà K đã nộp xong.

[6]. Về án phí:

Ông Phan Thanh T phải chịu án phí như sau: 72.000.000 đồng + (2% $\times$ 1.327.000.000 đồng) = 98.540.000 đồng. Giảm $\frac{1}{2}$ án phí cho ông T do gặp sự kiện bất khả kháng dẫn đến không có đủ tài sản để nộp án phí có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, ông T còn phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 49.270.000 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí. Nguyên đơn là người cao tuổi không nộp tạm ứng nên không hoàn trả.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự các Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự các Điều 13, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14/30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về hợp đồng vay tài sản của ông Lý Thanh H và bà Hồ Thị K đối với ông Phan Thanh T, buộc ông T có nghĩa vụ trả cho ông H và bà K số tiền gốc là 3.000.000.000 (ba tỷ) đồng và lãi là 327.000.000 (ba trăm hai mươi bảy triệu) đồng.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của ông Lý Thanh H và bà Hồ Thị K đối với: Khoản vay 100.000.000 (một trăm triệu) đồng ngày 25/9/2020, khoản vay 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng ngày 30/01/2023, phát mại tài sản là quyền sử dụng đất thửa đất 794, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại xã B, huyện M, tỉnh L theo hợp đồng thế chấp ngày 13/3/2020. Ông H và bà K được quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông H và bà K phải chịu số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng, ông H và bà K đã nộp xong.

5. Về án phí:

5.1. Ông Lý Thanh H và bà Hồ Thị K không phải chịu án phí. Ông H và bà K là người cao tuổi không nộp tạm ứng nên không hoàn trả.

5.2. Ông Phan Thanh T phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 49.270.000 (bốn mươi chín triệu hai trăm bảy mươi ngàn) đồng.

6. Ông Lý Thanh H và bà Hồ Thị K có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Phan Thanh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án.

7. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- VKSND huyện M;
- CC.THADS huyện M;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh L1